

Số:16/NQ-HĐND

Vĩnh Châu, ngày 18 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Thực hiện Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;*

*Sau khi xem xét Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân
sách nhà nước năm 2023 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của
thị xã Vĩnh Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện thu, chi
ngân sách nhà nước năm 2023 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, với một số nội dung và chỉ tiêu chủ yếu
như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 75.500 triệu đồng.
- Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước là 747.064 triệu đồng.
Trong đó: thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp là 63.850 triệu đồng.
- Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước là 747.064 triệu đồng.

(Chi tiết đính kèm theo các Phụ lục)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu thống nhất với các nhóm giải
pháp đã nêu trong báo cáo, đồng thời cần lưu ý một số giải pháp như sau:

- Về thu: tăng cường quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu, hạn chế
nợ đọng thuế theo quy định của Luật quản lý thuế; quản lý chặt chẽ các khoản thu
phí, lệ phí và các khoản thu theo quy định vào ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt
chẽ và chủ động xử lý không để phát sinh mới tiền nợ thuế. Quan tâm thực hiện

tốt quy chế phối hợp, có giải pháp tăng cường công tác thu thuế, ngăn chặn hành vi trốn thuế; thực hiện nghiêm và áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định đối với các khoản nợ khó thu.

- Về chi: Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu quan tâm chỉ đạo, điều hành chi ngân sách các cấp trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu thông qua. Việc bố trí, phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các dự án, công trình trong năm 2024 được đảm bảo theo Luật Đầu tư công. Tăng cường công tác chỉ đạo và nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư trong thực hiện dự án. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị và ngân sách các cấp. Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và đóng góp của nhân dân theo đúng quy định.

- Giữa 2 kỳ họp nếu có vấn đề phát sinh, điều chỉnh dự toán ngân sách, Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu giao Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trao đổi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu xem xét, quyết định và báo cáo với Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân, thị xã Vĩnh Châu theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khoá XII, kỳ họp thứ 11 nhất trí thông qua vào ngày 18 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính, Xây dựng;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND-UBND, UBMTTQ thị xã;
- Ban KT - XH HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã khóa XII;
- Các cơ quan (Đảng - CQ - ĐT) thị xã;
- TT. HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu: VT. NC.

CHỦ TỊCH

Trà Khol

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)*

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	Tổng chi ngân sách thị xã	747.064
A	Chi bổ sung cho ngân sách xã	70.847
1	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã	56.146
2	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã	14.701
B	Chi ngân sách cấp thị xã theo lĩnh vực	623.107
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	48.312
	Trong đó: Chi đầu tư cho các dự án	48.312
II	Chi thường xuyên	553.492
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục	386.918
2	Chi đào tạo & dạy nghề	6.987
3	Chi y tế	2.227
4	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao - Truyền Thanh	3.971
6	Chi bảo vệ môi trường	10.712
7	Chi các hoạt động kinh tế	47.128
8	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	41.418
9	Chi đảm bảo xã hội	50.146
10	Chi quốc phòng	2.679
11	Chi an ninh	446
12	Chi thường xuyên khác	860
III	Dự phòng ngân sách	13.607
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.696
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	53.110
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	53.110

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

DVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN-THỂ THAO-TRUYỀN THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
									CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
I	TỔNG SỐ	553.492	386.918	6.987	2.227	3.971	10.712	47.128	3.000	600	41.418	3.125	50.146	860
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	3.342		3.342										
2	Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền thanh	3.742				3.742								
4	Văn phòng HĐND&UBND	6.711									6.711	0	0	0
-	Kinh phí quản lý hành chính	4.037									4.037			
-	Kinh phí đảm bảo hoạt động UBND thị xã	800									800			
-	Kinh phí hoạt động HĐND, đại biểu HĐND thị xã	1.216									1.216			
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành	180									180			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	478									478			
5	Phòng Nội vụ	1.986									1.326			660
6	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	51.543									1.397		50.146	
-	Kinh phí quản lý hành chính	1.345									1.345			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	52									52			
7	Phòng Tư pháp	799									799			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN-THỂ THAO-TRUYỀN THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYỀN KHÁC
									CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
8	Phòng Văn hóa & Thông tin	910									910			
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.885									1.885			
10	Phòng Kinh tế	2.380						600		600	1.780			
-	Kinh phí quản lý hành chính	1.652									1.652			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	128									128			
11	Phòng Tài nguyên & Môi trường	11.551					10.712				839			
12	Thanh tra	933									933			
-	Kinh phí quản lý hành chính	877									877			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	56									56			
13	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1.423									1.423			
14	Phòng Quản lý đô thị	3.942						3.000	3.000		942			
-	Kinh phí quản lý hành chính	886									886			
-	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	56									56			
15	Phòng Dân tộc	520									520			
16	Văn phòng Thị ủy	11.320		1.772							9.548			
-	Trong đó: Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	294									294			
18	Ủy ban MTTQVN thị xã Vĩnh Châu	1.062									1.062			
19	Thị đoàn	722									722			
20	Hội Liên hiệp phụ nữ	959									959			
21	Hội Nông dân	1.014									1.014			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN-THỂ THAO-TRUYỀN THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
									CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
22	Hội Cựu chiến binh	504									504			
23	Hội Chữ thập đỏ	688									688			
24	Hội Nạn nhân CĐ da cam	84									84			
25	Hội Khuyến học	149									149			
26	Hội Chiến sĩ CMBĐBTĐ	80									80			
27	Hội Luật gia	80									80			
28	Hội Người Cao tuổi	149									149			
29	Hội Người mù	194									194			
30	Trung tâm y tế thị xã	2.227			2.227									
30	Ban Chỉ huy Quân sự thị xã	2.239										2.239		
-	Trong đó: hỗ trợ chi quốc phòng xã, phường	350										350		
31	Đồn Biên phòng Vĩnh Châu	30										30		
32	Đồn Biên phòng Vĩnh Hải	30										30		
33	Đồn Biên phòng Lai Hòa	30										30		
34	Công an	446										446		
35	Hỗ trợ Tòa án nhân dân	30									30			
36	Hỗ trợ Viện Kiểm Sát nhân dân	30									30			
37	Hỗ trợ Chi cục Thi hành án (Bao gồm kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo thi hành án dân sự)	80									80			
38	Hỗ trợ Chi cục Thống kê	30									30			
40	Chi khác ngân sách	200												200
41	Các khoản chi quản lý tại ngân sách	439.098	386.918	1.873	0	229	0	43.528	0	0	6.550	0	0	0

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2024*(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)**Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	646.363	886.537	747.064	-139.473	84,27
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	56.800	58.609	63.850	5.241	108,94
1	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	46.600	44.462	48.850	4.388	109,87
2	Thu ngân sách thị xã từ các khoản thu phân chia	10.200	14.147	15.000	853	106,03
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	589.563	678.770	683.214	4.444	100,65
-	Bổ sung cân đối	543.128	543.128	630.104	86.976	116,01
-	Bổ sung có mục tiêu	46.435	135.642	53.110	-82.532	39,15
IV	Thu kết dư		7.273		-7.273	0,00
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		141.885		-141.885	0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	646.363	865.198	747.064	172.383	115,58
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	599.928	584.086	693.954	93.539	115,67

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối
1	Chi đầu tư phát triển	43.103	43.103	48.312	5.209	112,09
2	Chi thường xuyên	537.853	537.853	624.339	86.486	116,08
3	Dự phòng ngân sách	11.763	3.130	13.607	1.844	115,68
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.209		7.696	1.038	106,76
II	Chi các chương trình mục tiêu	46.435	131.954	53.110	78.844	114,37
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		56.653			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.435	75.301	53.110	6.675	114,37
III	Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước		141.885			
IV	Chi từ nguồn kết dư ngân sách		7.273			

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2024*(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)**Đvt: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3	4	5
A	Ngân sách cấp thị xã					
I	Nguồn thu ngân sách	646.363	870.781	747.064	-123.717	85,79
1	Thu ngân sách cấp thị xã hưởng theo phân cấp	56.800	58.609	63.850	5.241	108,94
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	589.563	678.770	683.214	4.444	100,65
-	Bổ sung cân đối	543.128	543.128	630.104	86.976	116,01
-	Bổ sung có mục tiêu	46.435	135.642	53.110	-82.532	39,15
3	Thu kết dư		4.251		-4.251	0,00
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	129.151	0	-129.151	0,00
II	Chi ngân sách	641.263	853.418	742.138	100.875	115,73
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thị xã	586.475	620.811	671.291	84.816	114,46
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường	54.788	99.205	70.847	16.059	129,31

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối
-	Chi bổ sung cân đối	45.748	45.748	56.146	10.398	122,73
-	Chi bổ sung có mục tiêu	9.040	53.457	14.701	5.661	
3	Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước		129.151		-	
4	Chi kết dư		4.251			
B	Ngân sách xã, phường					
I	Nguồn thu ngân sách	59.896	116.573	75.773	-40.800	65,00
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	5.100	5.100	4.926	-174	96,59
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thị xã	54.796	95.717	70.847	-24.870	74,02
-	Bổ sung cân đối	45.748	45.748	56.146	10.398	122,73
-	Bổ sung có mục tiêu	9.048	50.665	14.701	-35.964	
3	Thu kết dư		3.022		-3.022	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		12.734		-12.734	-
II	Chi ngân sách	59.888	102.584	75.773	15.885	126,52

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng thu NSNN		68.297	58.609	75.500	63.850	110,55	108,94
1	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	16.096	15.839	17.000	16.950	105,62	107,01
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.044	3.044	3.000	3.000	98,55	98,55
-	Thuế giá trị gia tăng	12.795	12.795	13.950	13.950	109,03	109,03
-	Thuế tài nguyên	70		50		71,43	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	187					
-	Thu khác						
2	Thuế thu nhập cá nhân	14.058	14.058	13.000	13.000	92,47	92,47
3	Lệ phí trước bạ	11.655	11.655	15.000	15.000	128,70	128,70
4	Thu phí, lệ phí	1.830	1.830	3.000	1.400	163,93	76,50
5	Thu tiền sử dụng đất	23.578	14.147	25.000	15.000	106,03	106,03
6	Thu khác ngân sách	1.080	1.080	2.500	2.500	231,48	231,48

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		591.575	676.217	84.642	114,31
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	545.140	623.107	77.967	114,30
I	Chi đầu tư phát triển	43.103	48.312	5.209	112,09
1	Chi đầu tư cho các dự án	43.103	48.312	5.209	112,09
II	Chi thường xuyên	483.065	553.492	70.427	114,58
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	333.884	393.905	60.021	117,98
2	Chi y tế	2.227	2.227	0	100,00
3	Chi văn hóa thông tin - thể thao - Truyền thanh	3.856	3.971	115	102,98
4	Chi bảo vệ môi trường	8.212	10.712	2.500	130,44
5	Chi các hoạt động kinh tế	49.136	47.128	-2.008	95,91
6	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	38.045	41.418	3.373	108,87
7	Chi đảm bảo xã hội	43.580	50.146	6.566	115,07
8	Chi quốc phòng	2.679	2.679	0	100,00
9	Chi an ninh	446	446	0	100,00
11	Chi thường xuyên khác	1.000	860		
III	Chi dự phòng ngân sách	11.763	13.607	1.844	115,68
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.209	7.696	487	106,76
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	46.435	53.110	6.675	114,37
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.435	53.110		114,37
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	46.435	53.110	6.675	114,37
-	Trường Mầm non Vĩnh Phước	10.100	0	-10.100	
-	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp 1	3.390	0	-3.390	
-	Trường Tiểu học Lạc Hòa 1	3.295	0	-3.295	
-	Trường THCS Vĩnh Hải (giai đoạn 2)	14.750	0	-14.750	
-	Trường THCS Phường 2	14.900	0	-14.900	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
-	Trường Tiểu học 1 Phường 1		14.000		
-	Trường Tiểu học 1 Phường 2		14.000		
-	Trường Tiểu học 2 Phường 2		14.730		
-	Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ Chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 - 2025 cho khối lớp 3, lớp 7		10.380		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)*

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách thị xã	Chia ra	
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		747.064	676.217	70.847
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	693.954	623.107	70.847
I	Chi đầu tư phát triển	48.312	48.312	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	15.000	15.000	
II	Chi thường xuyên	624.339	553.492	70.847
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	393.905	393.905	
III	Chi dự phòng ngân sách	13.607	13.607	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.696	7.696	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	53.110	53.110	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	53.110	53.110	
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn xổ số kiến thiết	53.110	53.110	
-	Trường Tiểu học 1 Phường 1	14.000	14.000	
-	Trường Tiểu học 1 Phường 2	14.000	14.000	
-	Trường Tiểu học 2 Phường 2	14.730	14.730	
-	Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ Chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 – 2025 cho khối lớp 3, lớp 7	10.380	10.380	

**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH
TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)*

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp thị xã	Tổng chi cân đối ngân sách xã, phường
			Tổng số	Thu NS xã, phường hưởng 100%	Thu NS xã, phường được hưởng từ các khoản phân chia		
A	B	1	2	3	4	5= 6 - 2	6
Tổng số		6.526	4.926	3.326	1.600	56.146	61.072
1	Phường 1	3.570	1.970	370	1.600	3.871	5.841
2	Phường 2	245	245	245		6.222	6.467
3	Phường Vĩnh Phước	625	625	625		6.111	6.736
4	Phường Khánh Hòa	358	358	358		5.911	6.269
5	Xã Vĩnh Tân	272	272	272		5.343	5.615
6	Xã Lai Hòa	425	425	425		5.875	6.300
7	Xã Vĩnh Hải	375	375	375		5.128	5.503
8	Xã Lạc Hòa	205	205	205		5.688	5.893
9	Xã Hòa Đông	271	271	271		6.178	6.449
10	Xã Vĩnh Hiệp	180	180	180		5.819	5.999

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)*

ĐVT: triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
Tổng cộng		14.701	0	14.701	0
A	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giao đầu năm	6.522	0	6.522	0
01	Phường 1	540		540	
02	Phường 2	899		899	
03	Phường Vĩnh Phước	877		877	
04	Phường Khánh Hòa	555		555	
05	Xã Vĩnh Tân	637		637	
06	Xã Lai Hòa	628		628	
07	Xã Vĩnh Hải	605		605	
08	Xã Lạc Hòa	600		600	
09	Xã Hòa Đông	610		610	
10	Xã Vĩnh Hiệp	571		571	
B	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giao trong năm	8.179		8.179	

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
TỪNG XÃ, PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	BAO GỒM			
			Thuế giá trị gia tăng	Thu phí và lệ phí	Phí môn bài	Thu khác ngân sách
Tổng số		6.526	5.100	455	471	500
1	Phường 1	3.570	3.200	80	240	50
2	Phường 2	245	110	70	15	50
3	Phường Vĩnh Phước	625	450	70	55	50
4	Phường Khánh Hòa	358	250	35	23	50
5	Xã Vĩnh Tân	272	160	40	22	50
6	Xã Lai Hòa	425	290	40	45	50
7	Xã Vĩnh Hải	375	265	30	30	50
8	Xã Lạc Hòa	205	100	40	15	50
9	Xã Hòa Đông	271	175	30	16	50
10	Xã Vĩnh Hiệp	180	100	20	10	50